TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/DS-ST
Ngày 29/7/2024
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông Th với anh D".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tư Duy
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Quốc Sửu;
Bà Giáp Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm ***sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà:***
Bà Dương Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2024/QĐST-DS ngày 03/7/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1971 (có mặt)
Nơi thường trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang;
2. Bị đơn: anh Nguyễn Hữu D, sinh năm 1992 (vắng mặt)
Nơi thường trú: Tổ dân phố Th, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 4 năm 2023, bản tự khai và lời khai tiếp theo, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Th trình bày:

Ông và anh Nguyễn Hữu D có quen biết. Ngày 02/12/2022, ông có cho anh D vay số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), khi vay anh D nói là để nộp phạt. Khi ông cho anh D vay tiền, hai bên có lập giấy biên nhận vay tiền, thỏa thuận thời hạn trả đến ngày 12/12/2022, không thỏa thuận lãi suất, anh D có đưa cho ông giấy đăng ký xe ô tô để thế chấp. Anh D là người trực tiếp viết và ký tên vào giấy vay tiền. Quá trình vay tiền, ngày 02/12/2023, anh D đã trả ông số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và ông trả anh D giấy đăng ký xe ô tô. Khoảng đầu tháng 3/2024, anh D tiếp tục trả ông số tiền

1.000.000 đồng (một triệu đồng). Tổng số tiền anh D đã trả ông là 11.000.000 đồng, số tiền gốc còn nợ là 4.000.000 đồng.

Nay ông yêu cầu anh D trả số tiền gốc là 4.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

Tại phiên tòa ông Th yêu cầu buộc anh D phải trả số tiền gốc là 4.000.000 đồng, ông rút yêu cầu trả lãi.

* Bị đơn là anh Nguyễn Hữu D đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh D không trình bày ý kiến, quan điểm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng, tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th, buộc anh D có trách nhiệm trả ông Nguyễn Văn Th số tiền gốc là 4.000.000 đồng; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả lãi suất.

Về án phí: anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: ông Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng vay tài sản đối với anh D, anh D có nơi thường trú tại thị trấn C, huyện T. Do đó Tòa án huyện T thụ lý vụ án là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Hữu D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án.

Về người tham gia tố tụng: Tại thời điểm cho vay tiền, ông Th có vợ là bà Nguyễn Thị Ch, tại bản tự khai bà Ch xác định số tiền ông Th cho anh D vay là tiền cá nhân của ông Th, không liên quan đến bà và bà từ chối tham gia tố tụng. Do đó,

Hội đồng xét xử không đưa bà Ch vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th yêu cầu anh Nguyễn Hữu D trả số tiền gốc là 4.000.000 đồng gốc, thấy: Kèm theo đơn khởi kiện ông Th

có giao nộp 01 giấy biên nhận bản gốc đề ngày 2/12/2022 với nội dung: *Họ tên người cho vay là anh chị Thỉnh Ch, họ tên người vay là Nguyễn Hữu D, số tiền vay 15.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 12/12/2022*, giấy biên nhân trên có chữ ký của người vay anh Nguyễn Hữu D. Quá trình giải quyết vụ án anh D không trình bày ý kiến để bảo vệ quyền lợi của mình. Tại phiên tòa ông Th giữ nguyên yêu cầu anh D trả số tiền gốc là 4.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy: tại giấy biên nhận ngày 02/12/2022 đã nêu rõ anh D vay của ông Th số tiền 15.000.000 đồng với thời hạn trả là ngày 12/12/2022. Quá trình vay tiền, ông Th xác nhận anh D đã trả ông 02 lần với tổng số tiền 11.000.000 đồng. Mặc dù khi trả, hai bên không làm giấy biên nhận tiền tuy nhiên ông Th thừa nhận khoản tiền mà anh D đã trả như trên. Do đó, có căn cứ xác định anh D còn nợ ông Th số tiền 4.000.000 đồng. Nay ông Th yêu cầu anh D trả số tiền gốc 4.000.000 đồng, yêu cầu khởi kiện của ông Th là có căn cứ chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên nhân dẫn đến việc tồn đọng số nợ trên là do anh D không có ý thức thanh toán trả cho ông Th số tiền trên mặc dù ông Th đã nhiều lần yêu cầu anh D thanh toán nhưng anh D vẫn không thanh toán nên buộc ông Th phải khởi kiện ra Tòa án để giải quyết. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh D phải thanh toán trả ông Th số tiền gốc là 4.000.000 đồng.

[3] . Về lãi suất: Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, ông Th yêu cầu anh D phải trả lãi suất phát sinh. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và tại phiên tòa, ông Th rút yêu cầu trả lãi. Việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tung dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trên, ông Th không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ.

[4]. Về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: khi đến hạn trả nợ mà anh D không tự nguyện trả số tiền trên thì phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[5] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của ông Th được chấp nhận nên anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, số tiền án phí là 300.000 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466, Điều 469, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th.

1. Buộc anh Nguyễn Hữu D phải trả ông Nguyễn Văn Th số tiền gốc 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không trả được hoặc trả không đầy đủ số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi trả xong.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả lãi suất của ông Nguyễn Văn Th.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Văn Th số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0006809 ngày 23/4/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Tư Duy